

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2020
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông H;

2. Ông P.

- Thư ký phiên tòa: Bà T – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà O - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4905/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1269/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà V, sinh năm: 1992

Địa chỉ: số 160 đường P, thành phố P, tỉnh G.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông D, sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 1550 Q, Riverside, CA 92503, USA. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019 và trong quá trình tố tụng, bà V - nguyên đơn trình bày:

Bà và ông D tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh G (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07 ngày 21/4/2017).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do cả hai có sự khác nhau về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột; bên cạnh đó, do khoảng cách địa lý làm

cho việc hàn gắn tình cảm vợ chồng không đạt kết quả, ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm và không còn liên lạc với nhau nữa.

Bà V cho rằng mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông D để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà V khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông D không có mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà V vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn ông D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà V và ông D là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 13/02/2020 Tòa án đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 01/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được văn bản số 1971/BTP-PLQT ngày 20/8/2020 của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho ông D vào ngày 04/6/2020; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa lần thứ I và lần thứ II bị đơn ông D đều không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 07/02/2020, nguyên đơn bà V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh G thì quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà V thì ông D sinh sống, làm việc ở Hoa Kỳ còn Bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; bên cạnh đó sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông D biết yêu cầu ly hôn của bà V và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử (lần thứ I, lần thứ II) nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông D không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà V như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà V có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà V khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà V chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà V

- Về quan hệ hôn nhân: Bà V được ly hôn với ông D

- Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà V chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0045344 ngày 30/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà V không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp.H
- Cục THADS Tp.H
- UBND tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị B

